

CƠ SỞ TỒN TẠI VÀ GẮN BÓ CỦA PHẬT GIÁO TRONG ĐỜI SỐNG NGƯỜI DÂN CÀ MAU

ĐỖ LAN HIỀN(*)
TRẦN MINH LĂNG(**)

Cà Mau là một tỉnh cực Nam của Tổ quốc, thuộc vùng đồng bằng sông Cửu Long, được khai khẩn muộn màng hơn so với các tỉnh trong khu vực. Đầu thế kỉ XVII, vùng đất Cà Mau vẫn là một vùng đất ẩm thấp, sinh lầy, hoang vu, không mấy ai đến sinh cư lập nghiệp vì thiếu nước ngọt và ruộng quá nhiều phèn... Địa danh Cà Mau có nguồn gốc từ tiếng Khmer là “Khmau” nghĩa là “nước đen”, vì Cà Mau xưa kia là vùng đất hoang vu, nước đen như mực. Theo thời gian, từ Khmau đã được Việt hóa gọi thành địa danh Cà Mau ngày nay. Người dân nơi đây là tụ họp của ba tộc người chính: Việt, Hoa, Khmer.

Các tôn giáo ở Cà Mau gồm có: Phật giáo, Công giáo, Tin lành, đạo Cao Đài, Phật giáo Hòa Hảo và Tịnh độ Cư sĩ Phật hội. Trong đó, Phật giáo là một tôn giáo có số lượng tín đồ đông nhất⁽¹⁾ so với các tôn giáo khác trên địa bàn tỉnh Cà Mau. Phật giáo du nhập vào địa bàn Cà Mau từ nửa sau thế kỉ XVIII, bấy giờ Cà Mau còn là một xã thuộc trấn Hà Tiên. Phật giáo Cà Mau có hai hệ phái Bắc tông và Nam tông Khmer với con đường hình thành và phát triển tương đối độc lập nhau.

Từ khi du nhập vào Việt Nam cho đến nay, Phật giáo không ngừng phát triển và ảnh hưởng rộng khắp trên các vùng miền trong cả nước. Chính vì thế, Phật giáo đã theo chân các dòng người di cư đến vùng

đất xa xôi, hẻo lánh này. Cùng với tín ngưỡng dân gian truyền thống, Phật giáo đã thu hút, chiếm vị thế trong đời sống của người dân Cà Mau và trở thành một phần “máu thịt” họ, chùa chiền không chỉ là nơi sinh hoạt tín ngưỡng, mà còn là trung tâm sinh hoạt văn hoá cộng đồng, là nơi giao tiếp xã hội, là nơi họ gửi gắm tâm tư, tình cảm, thư giãn sau những ngày giờ lao động mệt mỏi, chùa cũng là nơi để con người tu luyện nhân cách⁽²⁾, là nơi thể hiện những giá trị nghệ thuật điêu khắc, trang trí, đồ họa của các nghệ nhân trong vùng, chùa cũng là nơi lưu giữ tro cốt, thờ cúng ông bà cha mẹ, v.v... Ngôi chùa gắn bó, thân thiện với người dân Cà Mau đến độ dù cuộc sống còn

*. TS., Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh.

** . CN., Tỉnh Cà Mau.

1. Theo báo cáo của Ban Tôn giáo tỉnh Cà Mau, hiện nay, Phật giáo ở Cà Mau có khoảng 254.350 tín đồ và 51 cơ sở thờ tự gồm 45 ngôi chùa (Bắc tông 38, Nam tông Khmer 7), 1 tịnh xá, 2 tịnh thất và 3 niệm Phật đường. Tổ chức tu tập của tín đồ gồm 3 Gia đình Phật tử, 3 đạo tràng.

2. Theo phong tục truyền thống của người Khmer, đứa trẻ từ 12 tuổi trở lên hầu hết phải vào chùa đi tu từ 3 đến 5 năm, thời gian này, đứa trẻ vẫn được học văn hoá, học giáo lí nhà Phật, tìm hiểu phong tục tập quán, các chuẩn mực đạo đức và các ứng xử giao tiếp xã hội. Sau thời hạn 3-5 năm, nếu có căn duyên với nhà Phật thì tiếp tục đi theo con đường tu hành, nếu không, có thể hoàn tục và trở thành những công dân bình thường. Theo người Khmer, thời gian ở chùa là thời gian quan trọng để đứa trẻ hoàn thiện về nhân cách, kinh nghiệm giao tiếp, ứng xử, kinh nghiệm sản xuất, lao động tự nuôi sống mình.

ngheo nàn, khổn khổ trăm bề bảy mối nhưng người dân vẫn sẵn sàng dốc hết của cải cúng tế vào chùa chiền, họ “ăn chùa, ở chùa”, họ xây chùa trước, xây nhà mình sau⁽³⁾, trọng nề sư sãi và vâng phục họ như những bậc thầy về Tâm và Trí.

Với lí do trên, trong bài viết này, chúng tôi đi vào phân tích những cơ sở khách quan và chủ quan khiến cho Phật giáo tồn tại và gắn bó với đời sống của cư dân Cà Mau.

Về điều kiện khách quan

Vào đầu thế kỉ XVII (năm 1611), Nguyễn Hoàng⁽⁴⁾ vào trấn thủ đất Thuận Hóa - Quảng Nam, lập phủ Phú Yên và tiếp tục mở mang bờ cõi nước ta về phía Nam. Cho đến cuối thế kỉ XVII (1693), dưới thời Nguyễn Phúc Chu, Cà Mau đã có tên trên bản đồ của Việt Nam.

Việc tồn tại một chính quyền họ Nguyễn ở phương Nam thực chất là cuộc “ra đi” vì sự “thất bại” trong chính trị. Nên về tâm lí, con người nơi đây thường muốn quên đi quá khứ, quên đi những mối dây ràng buộc với những thể chế khắc khe của một nền Nho học chính thống ngoài Bắc. Do vậy, ở phương Nam, việc độc tôn, độc quyền Nho giáo không thịnh như ở phương Bắc. Chính vì thế, Phật giáo dễ dàng trở thành tôn giáo chiếm vị trí chủ đạo trong đời sống của người dân nơi đây, và cũng vì thế, đất phương Nam cũng là nơi dễ dàng dung dưỡng nhiều hiện tượng tôn giáo mới lạ sau này⁽⁵⁾.

Việt Nam là một dải đất hình chữ S, được ngăn cách và bảo vệ bởi hai dãy núi, một ở phía Bắc, hai là dãy Trường Sơn hùng vĩ ở phía Tây, phía Đông giáp biển. Với vị trí địa lí như vậy, hướng tiến lên vì sang ngang bị núi chặn, hướng bị biển ngăn, nên “bước chân” khai phá của người Việt xưa chỉ còn cách Nam tiến, và họ chỉ dừng lại trước biển cả ở mũi Cà Mau. Điều

đó cho thấy, người Việt đã không ngại hiểm nguy, dám đối đầu với những thử thách và sự thách thức của thiên nhiên để mở đường tiên phong khai hoang dựng nước. Bù lại, thiên nhiên đã ưu ái cho người dân Cà Mau bằng việc đất đai bờ cõi vẫn luôn được mở rộng về hướng biển hàng năm, do sự bồi đắp phù sa của con sông Cửu Long. Nên, đất phương Nam ít núi non hiểm trở, toàn những cánh đồng mỗi cánh cò bay, môi trường sống khoáng đạt là điều kiện tự nhiên thuận lợi khai phóng cho sự hình thành một tâm hồn cởi mở, phóng khoáng, không quá khắc khe, câu nệ, chặt chẽ, tạo điều kiện cho một tâm thế, một tâm trạng, tâm lí dễ dàng đón nhận các tôn giáo nói chung, đặc biệt là Phật giáo.

Khí hậu cũng ảnh hưởng khá nhiều đến tâm tính con người. Việt Nam nằm gọn trong vành đai nhiệt đới của nửa bán cầu Bắc, với khí hậu nóng ẩm nhưng có sự phân biệt rõ rệt giữa hai vùng Nam, Bắc. Phía Bắc (từ đèo Hải Vân trở ra) khí hậu thay đổi theo bốn mùa rõ rệt. Phía Nam khí hậu ôn hoà, ổn định hơn, nên người dân nơi đây ít “sớm nắng chiều mưa”, kiên nhẫn và ôn hoà hơn, do vậy càng dễ tương thích và hoà hợp với tinh thần từ bi của Phật giáo.

3. Người Khmer ít quan tâm đến nơi an chốn ở của mình, đối với họ, ngôi nhà không quan trọng bằng ngôi chùa.

4. Khi Mạc Đăng Dung cướp ngôi nhà Lê, Trịnh Kiểm là một vị tướng giỏi, được Nguyễn Kim (một quan chức trong Triều) trưng dụng để giúp nhà Lê dẹp nhà Mạc. Khi dẹp được nhà Mạc, Nguyễn Kim đã giao quyền hành và gả con gái Ngọc Bảo cho Trịnh Kiểm. Nguyễn Kim có hai người con trai là Nguyễn Uông và Nguyễn Hoàng, vì lo sợ nhà Nguyễn chiếm quyền, Trịnh Kiểm đã mưu giết Nguyễn Uông. Nguyễn Hoàng lo sợ Trịnh Kiểm ám hại, nên nhờ chị gái nói giúp với anh rể cho vào trấn thủ đất Thuận Hóa từ đấy.

5. Phật đường Nam tông Minh sư đạo, Minh lý đạo, Tịnh độ cư sĩ Phật hội, đạo Bha'i, Cao Đài, Phật giáo Hoà Hảo, Nghĩa hoà lợi, Tứ Ân hiếu nghĩa, Bửu Sơn kỳ hương đều xuất hiện ở phương Nam.

Người dân Cà Mau, về lịch sử vốn thuộc dân “Tứ xứ”, đông nhất là người Khmer và người Hoa, họ là những người không chịu sự ràng buộc bởi một nền Nho học chính thống như ngoài Bắc, tôn giáo truyền thống của họ là Phật. Nên Phật giáo cũng trở nên gần bó và tồn tại với người dân Cà Mau từ xưa cho đến ngày nay.

Hơn nữa, khi người Việt mở mang bờ cõi xuống phương Nam, cùng với các tộc người Hoa, người Khmer sống trong điều kiện kinh tế nghèo nàn, khó khăn, ở nơi đất rộng người thưa, con người cần đến sự cộng cảm, cộng sinh, dẫn tới dễ cảm thông, hoà đồng, chia sẻ trong nhu cầu tâm linh. Nên dù khác nhau về chủng tộc, về văn hoá, và đến từ nhiều ngã đường khác nhau nhưng người dân nơi đây vẫn có thể cùng nhau chung sống, cùng chung tôn giáo với nhau.

Hoạt động kinh tế của người dân Cà Mau chủ yếu là làm nông, đi biển, đó là những nghề lệ thuộc nhiều vào thiên nhiên, thời tiết, rủi ro cao, đòi hỏi phải dựa vào nhau mà sống. Người dân Cà Mau, hơn ai hết, cần đến tinh thần đoàn kết, sẻ chia, đùm bọc và bao dung, bởi ngay từ khi đến khai khẩn vùng đất hoang vu hẻo lánh tận cuối trời, với bao khó khăn gian khổ, hiểm nguy, cô đơn. họ cần đến cộng đồng, cần đến sức mạnh tập thể, tình đoàn kết. Trong đó, tinh thần và tôn chỉ của Phật giáo cũng coi trọng chữ Tâm, phong cách truyền đạo cũng là lấy Tâm để thuyết phục. Do đó, các cư dân nơi đây dễ dàng đồng cảm và chấp nhận Phật giáo.

Cuộc sống của các cư dân nơi đây trải qua bao cảnh bạo tàn, đau thương của giặc giã, chiến tranh và cả sự áp bức đè nén về tinh thần, nên trên hết, họ chỉ mong có được một cuộc sống an bình với sự che chở và độ trì của Trời - Phật, thần linh. Trong

đó, thuyết nhân quả của Phật giáo đã hình thành một nhân sinh quan tin vào một chủ thể thánh thần có khả năng nhìn thấu nhân gian, Trời-Phật có mắt sẽ che chở, phù hộ người nghèo khổ, người bị áp bức, trừng trị kẻ ác, kẻ áp bức, v.v... Do vậy, Phật giáo được người dân nơi đây tiếp hợp và dung dưỡng.

Xã hội Phong kiến Việt Nam lấy Nho giáo làm hệ tư tưởng chính thống, lí thuyết của Nho giáo đã “trói buộc” con người trong một trật tự Vua - tôi, Cha - con, Chồng - vợ với những thể chế *Tam tông, Tứ Đức* cứng nhắc, khắt khe, thì Phật giáo lại “cởi trói” cho con người ta bằng lí thuyết về sự giải thoát, cuộc đời là phù hoa, hư không, giả tướng. Như vậy, Phật giáo dường như đã khai phóng cho người Việt thoát ra khỏi những trói buộc tinh thần do Nho giáo đem lại. Thêm nữa, Phật giáo đề cao cái đạo vô dục, điều đó dường như “cởi trói” cho con người thoát khỏi nỗi ám ảnh bởi định chế “Bất hiếu hữu tam, vô hậu vi đại”⁽⁶⁾ khắt khe của Nho giáo. Chính vì lẽ đó, người Việt nói chung và người dân Cà Mau nói riêng dễ cộng cảm với Phật giáo⁽⁷⁾.

Người dân Việt nói chung không có quốc giáo theo nghĩa là một tôn giáo độc thần với một thể chế, giáo lí chặt chẽ. Chính bởi lẽ đó, các tôn giáo ngoại nhập trong đó có Phật giáo có thể dễ dàng bén rễ và phát triển ở Việt Nam mà không sợ

6. Bất hiếu, theo Nho giáo, có ba điểm, trong đó không người nối dõi là tội lớn nhất.

7. Nho, Phật, Đạo đã trở thành ba hệ thống tư tưởng chi phối đời sống tinh thần, tâm linh của người Việt. Hiện tượng “Tam giáo đồng nguyên” đi theo suốt chiều dài lịch sử dân tộc Việt Nam mấy trăm năm, mặc dù không phải lúc nào cũng “đồng tồn”. Tam giáo đồng nguyên chính là sự cân bằng vị thế trên phương diện tâm - thức xã hội (Nho giáo thiên về Trí, Phật giáo thiên về Tâm, Đạo giáo thiên về Hồn). Do đó, Nho, Phật, Đạo tuy khác nhau, và đến từ các ngã đường khác nhau nhưng lại có thể cùng tồn tại trong một thể thống nhất không một chút phản kháng nào.

gặp phải những “rào cản” và sự “kháng cự” của một quốc giáo độc thần. Nên đời sống tôn giáo của người Việt phong phú và dễ phát triển hơn so với các quốc gia độc thần giáo khác ở phương Tây.

Về điều kiện chủ quan

Người Việt vốn có tinh thần khoan dung đối với tôn giáo, bất cứ tôn giáo nào nếu thoả mãn nhu cầu tâm linh và nhu cầu sinh tồn của dân tộc đều được chấp nhận cả, thậm chí được chủ động thiết lập, miễn là các tôn giáo đó không đem lại nguy cơ vong bản và mất nước. Stephen O' Harrow, trong bài viết “*Người Hán, người Hồ, người Bách Man - Tiểu sử Sĩ Nhiếp và khái niệm về xã hội Việt Nam cổ đại- Những vấn đề lịch sử Việt Nam*”, đã có một nhận xét rất chính xác: “Tất cả những gì là hữu ích, là có lợi cho sự phát triển cộng đồng đều được chấp nhận, thậm chí chủ động thiết lập, còn những giá trị nào mâu thuẫn, xung khắc với phong tục, tập quán, lễ thói của người Việt đều không qua được cái công làng”⁽⁸⁾.

Tâm thế trên khiến người dân dễ dàng tiếp nhận và dung dưỡng Phật giáo.

Nhân sinh quan, vũ trụ quan của người Việt cổ là phiếm thân luận, đâu đâu cũng thấy sự tồn tại của thần, thần ở khắp nơi như thể con người sống không phải trong thế giới của mình mà là trong thế giới của thần. Con người thần thánh hoá tất cả, từ các sự kiện chính trị, tổ chức xã hội, cội nguồn tổ tiên, đến mọi việc trong cuộc sống đều mang màu sắc huyền bí đến độ khó phân biệt đâu là sự thật lịch sử đâu là huyền thoại. Thần xen lẫn vào đời sống nhân sinh, chi phối định mệnh con người. Thần là nguyên nhân của tai ương, dịch bệnh, bất hạnh, cô đơn, mất mùa: ngay cả không sinh nở được, họ cũng “đổ lỗi” cho thần. Đặc biệt, những người dân sống bằng

nghề chài lưới ven biển thường ít học, cuộc sống lại bấp bênh, rủi ro cao, miếng cơm manh áo phụ thuộc nhiều vào thiên nhiên, thời tiết, do vậy, họ rất dễ tin vào những điều linh thiêng, huyền bí, màu nhiệm. Nhìn chung, con người trong thế giới hiện hữu này có vị trí quá nhỏ so với thần, từ đó người Việt sợ thần thánh, sợ ma quỷ. Đức Phật lại không tự nhận mình là thần là thánh, chỉ nhận mình là người đã ngộ được đạo và chỉ đường cho chúng sinh thoát khỏi bể khổ trầm luân. Nên Phật được biến thành ông Bụt, ông Tiên của người Việt, là người hiền lành đức độ gần gũi dân chúng để cứu khổ cứu nạn chúng sinh, nên người dân thấy cảm mến, gần gũi với Phật giáo.

Người dân phương Nam, đặc biệt là những người dân sống ở vùng ven biển, cuộc sống còn bấp bênh, mong manh, khổ ải, đau thương, vùi dập, nên triết lí nhân sinh nhìn cuộc đời là một bể khổ (Thuyết Tứ Đế) của Phật giáo tương thích với tâm lí của người dân nơi đây.

Từ trong những nỗi khổ khó ấy, các cư dân nơi đây chỉ cầu mong có được một cuộc sống an nhàn, vô lo, vô nghĩ và đây cũng được coi là triết lí sống điển hình của cư dân phương Nam. Những người dân lao động nơi đây chủ trương lao động chỉ mong đủ sống, đủ ăn qua ngày đoạn tháng, hôm nào may mắn kiếm được dư dả là đưa vợ con đi ăn tiệm, không có thói quen tích trữ của cải dư thừa, có dư thừa là đem dùng hết, và khi đã thoả mãn được điều đó là họ nghỉ ngơi. Cảnh đời lí tưởng của bà con nông dân phương Nam là lúa gạo đủ ăn, nuôi thêm vài con gà con vịt, chiều chiều nằm khểnh đọc báo, nghe đài hay hát vọng cổ, đàn ca tài tử, v.v... Giàu sang, phú quý là một cái gì đó rất

8. Stephen O' Harrow. *Tiểu sử về Sĩ Nhiếp và khái niệm về xã hội Việt Nam cổ đại - Những vấn đề lịch sử Việt Nam*. Nxb. Trẻ, 2001, tr. 45.

viễn vông, hão huyền, cuộc đời là phù hoa, sống gửi. Triết lí sống ấy, có thể nói là cộng cảm ngay với tinh thần Hư không của Phật giáo⁹.

Về phía Phật giáo, vốn là một tôn giáo ôn hòa, không chấp pháp nên không bắt người Việt phải từ bỏ phong tục thói quen của mình để theo Phật. Ngược lại, Phật giáo đã biết thích ứng, diễn tả đạo pháp của mình theo trình độ dân chúng chứ không bắt dân chúng phải thích ứng với đạo pháp của mình, vì theo Phật giáo, đạo pháp, chân lí chỉ có *một* nhưng cách diễn tả và truyền đạt thì có tới *bốn vạn tám nghìn* cách khác nhau. Do vậy, mặc dù triết lí nhà Phật rất trừu tượng, khó hiểu nhưng những người dân lao động, ít học vẫn thấy nó gần gũi, thân quen và họ theo Phật rất đông không phải vì giác ngộ được chân lí thâm sâu vi diệu của Phật mà vì Phật giáo đã biết thích ứng, gần gũi với họ.

Phật giáo là một tôn giáo khép mình, không khoe trương, không lên tiếng dạy đời, nâng đỡ quá khứ nên nó dễ dàng đi vào lòng người, đặc biệt, những con người "ra đi" vì sự "thất bại" trong chính trị. Cư dân phương Nam, nhất là người dân sông nước, bản chất vốn thật thà, giản dị, không phô trương, cầu kì, tâm khoáng đạt, vị tha, tình cảm chan hòa rất phù hợp với tinh thần của Phật giáo. Nên, Phật giáo đã len lỏi, bám rễ và phát triển trong cộng đồng cư dân phương Nam.

Hơn nữa, nhìn một cách tổng quát, Phật giáo là một tôn giáo thành công trên cả hai phương diện *xuất thế* và *nhập thế*. Về phương diện xuất thế, Phật giáo là tôn giáo nhằm mục đích khai phóng tâm linh và trí tuệ để con người kiến tính thành Phật và ngộ được Đạo, diệt trừ vô minh, vọng tâm, vọng niệm để trở về với bản thể

Chân như, chân thật ban đầu và đạt đến cõi *Niết Bàn*. Về phương diện nhập thế, sau khi đã ngộ Đạo, các cao tăng vẫn có thể hoà mình vào cuộc sống nhân sinh, mở mang đạo tràng, quán pháp để giáo hoá con người, khai dân trí trên mọi lĩnh vực. Do đó, Phật giáo đã thoả mãn tâm lí thực dụng, óc thực tế của người dân Việt nói chung và người dân Cà Mau nói riêng. Tức là, người dân Việt tuy dễ tin, dễ mê tín, ưa huyền bí nhưng không quá cuồng tín và thoát khỏi nhân sinh, Đạo - Đời là một.

Phật giáo cũng là một tôn giáo có lối truyền đạo ôn hoà và có thể chung sống hoà bình với các tôn giáo độc thần khác, do đó Phật giáo cũng phù hợp với tâm thức tôn giáo hỗn dung, đa thần và coi các bậc thần linh có giá trị ngang nhau của người Việt. Người dân có thể theo Phật, thờ Phật nhưng bên cạnh đó vẫn thờ cả Thánh, thờ Mẫu, thờ Thành Hoàng, thờ cây đa cây đề, ông bình vôi, cá ông, ông ba mươi, v.v...

Nói tóm lại, Phật giáo có nhiều điểm tương thích với tâm lí, hoàn cảnh nhân sinh và xã hội của người Việt nói chung và người dân phương Nam trong đó có Cà Mau nói riêng, nên ngay từ khi du nhập vào Việt Nam, Phật giáo gần như không gặp phải một trở ngại nào từ phía nhà cầm quyền cũng như người dân nơi đây. Chính vì vậy, Phật giáo đã bén rễ và ăn sâu vào đời sống của người dân Cà Mau, chi phối và ảnh hưởng sâu sắc đến mọi mặt của đời sống xã hội./.

9. Ngày nay, xã hội đã có nhiều biến chuyển, người dân nơi đây cũng đã ham muốn và đam mê hưởng thụ vật chất hơn nhưng họ vẫn tìm ra được một nếp sống an nhiên tự tại mới phù hợp với tâm hồn thanh bình vốn sẵn có của họ.